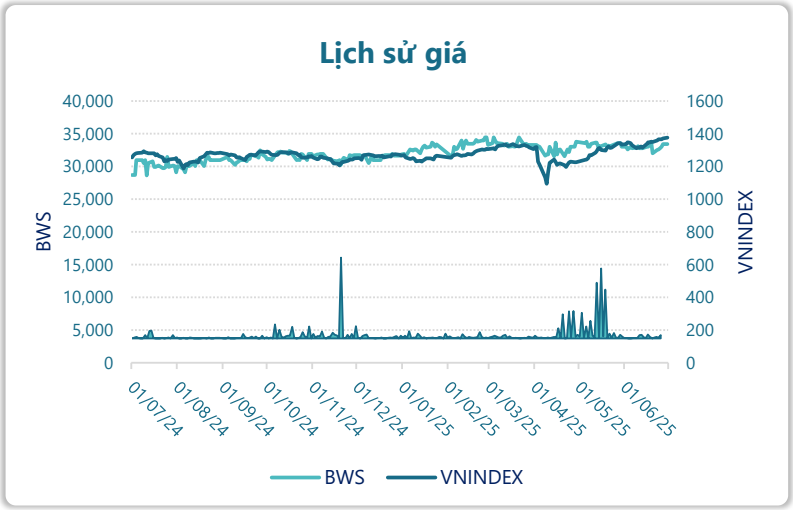
FireAnt

CTCP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu (UPCOM: BWS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,447
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,629
SL cổ phiếu LH	100,007,569
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,260
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,340
P/E	12.9
EPS	2,592

DT thuần

Q2/25

191

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 5.1%

YoY: ▼2.00| -0.9%

LN sau thuế

Q2/25

70.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.10| 6.2%

YoY: ▲ 5.00| 7.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

42.3%

+/- YoY: ▲ 3.7%

DT thuần

6T 2025

373

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -2.0%

LN sau thuế

6T 2025

137

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 3.0%

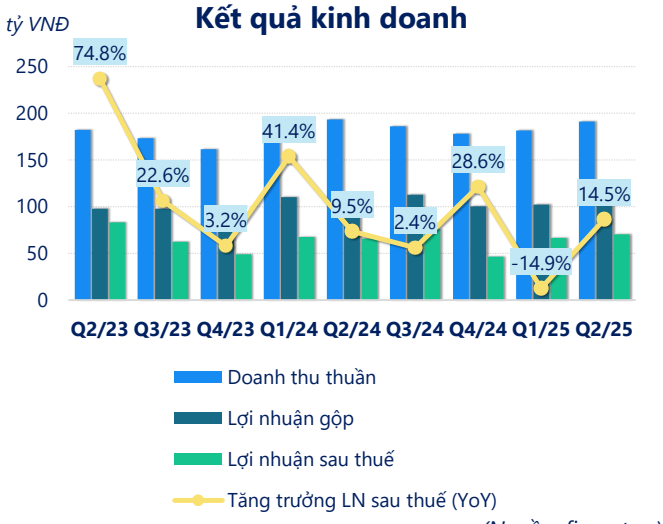
ROE

Q2/25

24.0%

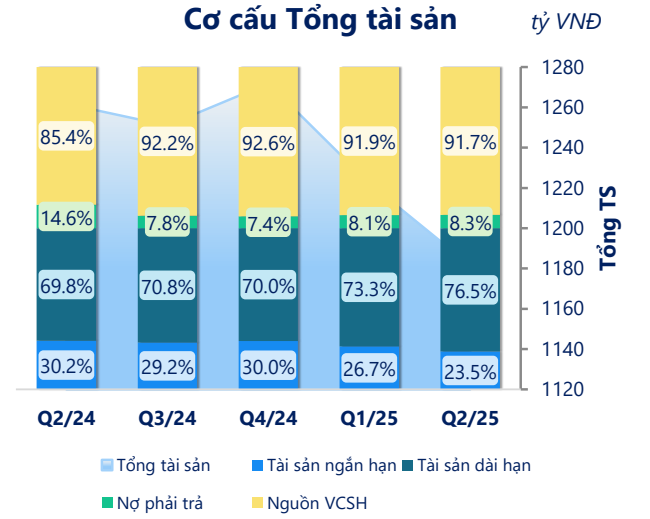
+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh



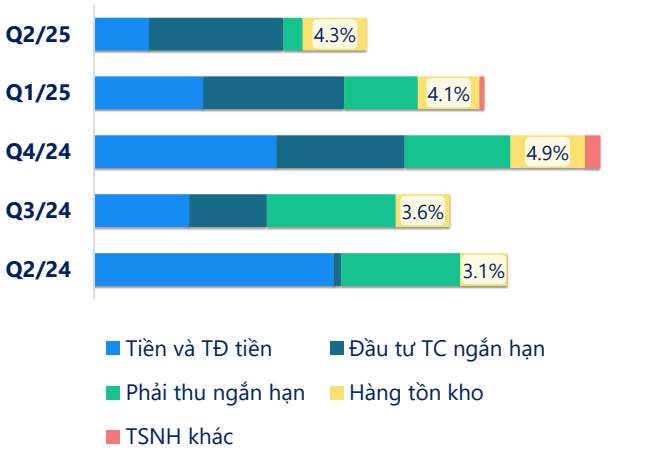
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



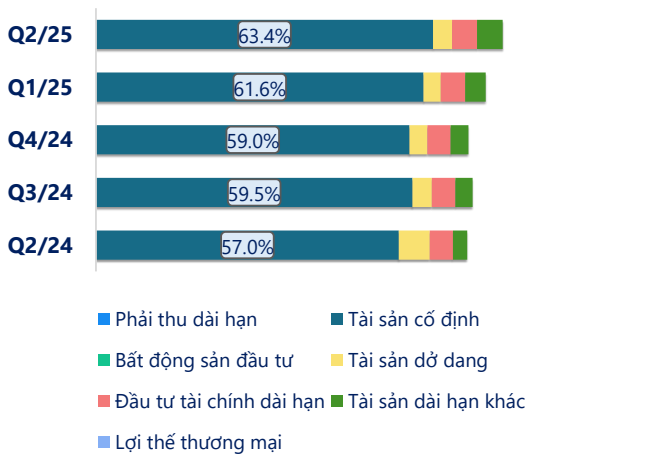
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



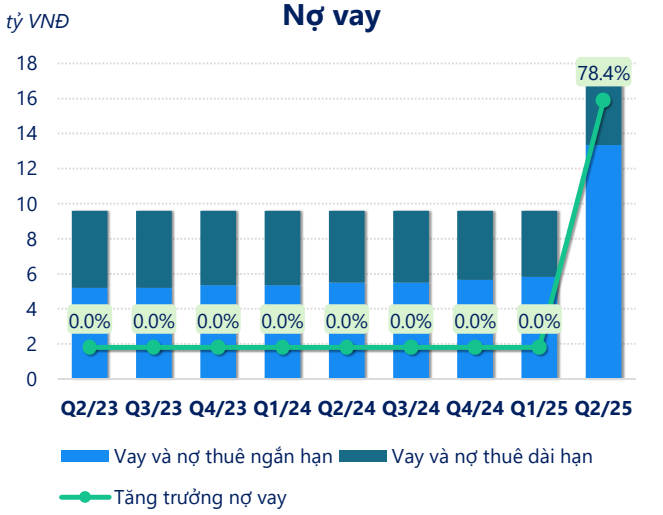
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



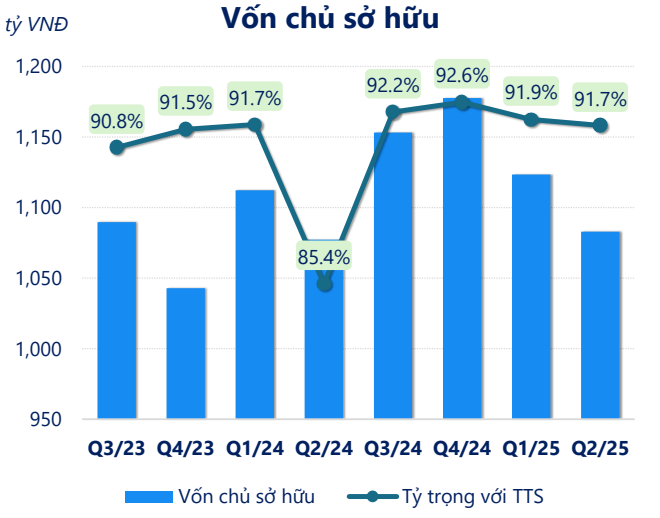
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



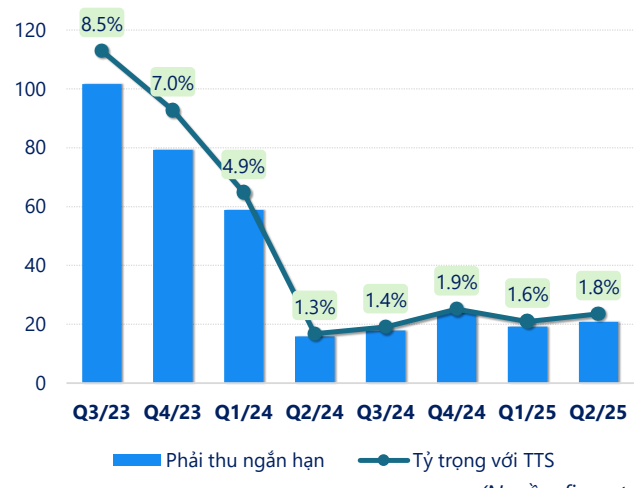
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



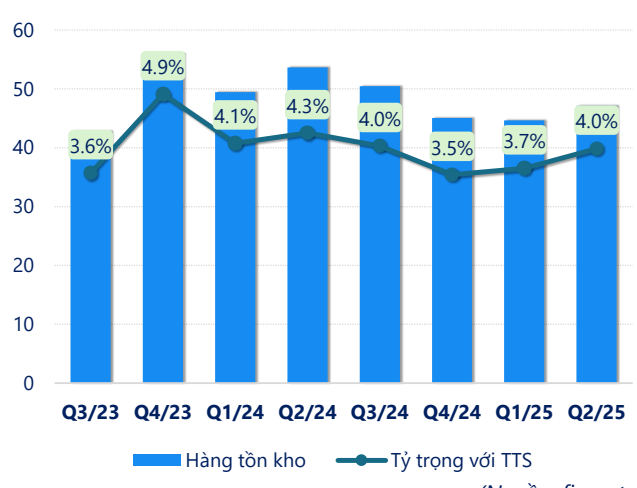
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



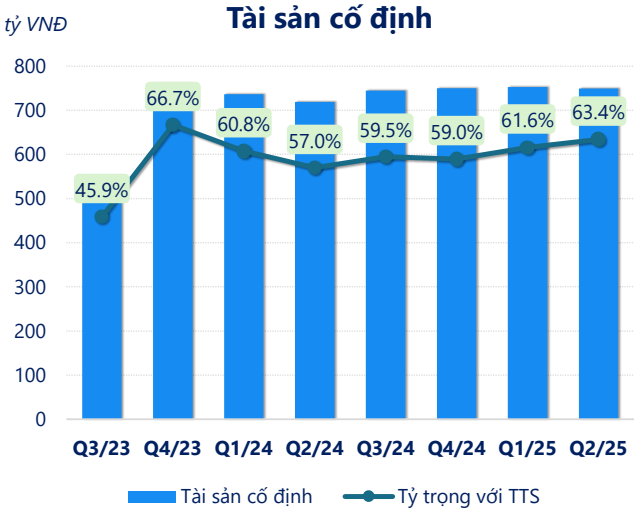
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



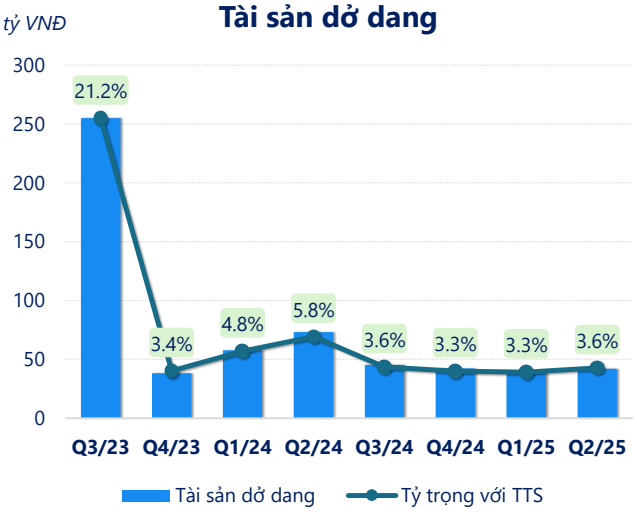
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



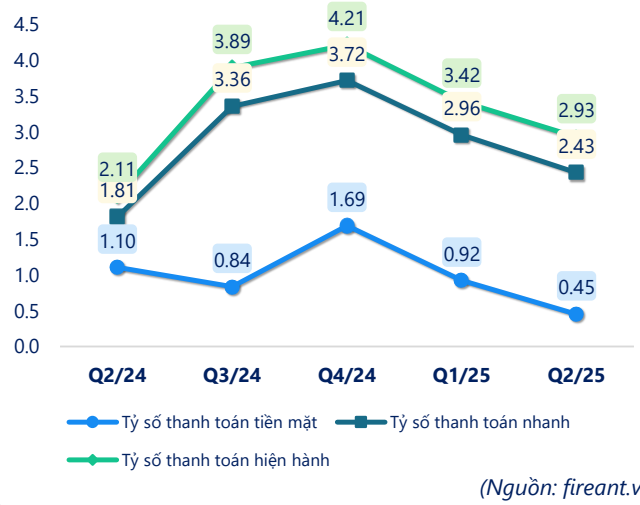
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



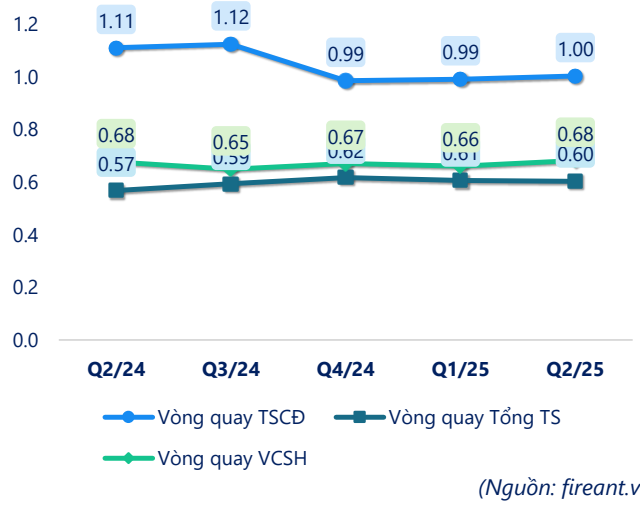
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,262**	**1,251**	**1,272**	**1,222**	**1,182**
Tài sản ngắn hạn	**380**	**365**	**381**	**326**	**278**
Tiền và tương đương tiền	199	78.2	153	87.9	42.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	218	152	167	167
Phải thu ngắn hạn	15.9	17.9	24.0	19.2	20.8
Hàng tồn kho	53.6	50.4	45.0	44.6	47.1
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	7.32	7.78	0.26
Tài sản dài hạn	**881**	**886**	**891**	**896**	**904**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	719	745	750	753	749
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	73.0	45.4	42.4	39.9	42.1
Đầu tư tài chính dài hạn	55.5	55.5	55.5	55.5	55.5
Tài sản dài hạn khác	34.0	40.8	42.9	47.8	57.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**184**	**97.8**	**94.3**	**99.0**	**98.6**
Nợ ngắn hạn	**180**	**93.7**	**90.4**	**95.3**	**94.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.50	5.50	5.66	5.82	13.3
Phải trả người bán ngắn hạn	8.94	13.4	5.21	22.2	6.53
Nợ dài hạn	4.09	4.09	3.93	3.77	3.77
Vay và nợ thuê dài hạn	4.09	4.09	3.93	3.77	3.77
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,077**	**1,153**	**1,178**	**1,123**	**1,083**
Vốn chủ sở hữu	**1,077**	**1,153**	**1,178**	**1,123**	**1,083**
Vốn điều lệ	900	1,000	1,000	1,000	1,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)